

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Ba năm 2015

Với mục tiêu phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2015 để chào mừng các ngày lễ lớn và đại hội Đảng bộ các cấp, ngay từ đầu năm, các cấp, các ngành và nhân dân Thủ đô đã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quý I năm 2015 như sau: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,6%; vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng 9,5%; tổng mức bán hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 11,9%; kim ngạch xuất khẩu tăng 4,3%...

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I năm 2015 tăng 7,6% so cùng kỳ năm trước.

Tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2015

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	Quý I/ 2014	Quý I/ 2015	Tốc độ tăng Q1/2015 so cùng kỳ (%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (%)
Tổng số	89444.2	96198.6	7.6	7.6
<i>Chia theo khu vực</i>				
- Nông lâm thuỷ sản	3852.0	4081.9	6.0	0.3
- Công nghiệp xây dựng	36725.4	39399.1	7.3	3.0
+ Công nghiệp	28883.1	30921.3	7.1	2.3
+ Xây dựng	7842.3	8477.8	8.1	0.7
- Dịch vụ	48866.8	52717.6	7.9	4.3

Giá trị tăng thêm ngành nông - lâm - thuỷ sản tăng 6% so cùng kỳ năm trước (đóng góp 0,3% vào mức tăng chung). Quý I năm 2015, thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Các loại rau, đậu, ngô và cây lương thực có hạt, cây có hạt chứa dầu, hoa cây cảnh và thuỷ sản có mức tăng giá trị

sản xuất cao. Tình hình chăn nuôi nhìn chung ổn định, không xảy ra các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm.

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp - xây dựng tăng 7,3% so cùng kỳ năm trước (đóng góp 3% vào mức tăng chung). Các tháng đầu năm, sản xuất công nghiệp tăng khá do các doanh nghiệp tập trung nguồn lực sản xuất và tích lũy hàng hóa phục vụ nhu cầu thị trường Tết Nguyên đán. Các doanh nghiệp xây dựng vẫn giữ được đà phát triển. Các dự án phát triển giao thông, đặc biệt là những dự án phát triển đường cao tốc, được chỉ đạo quyết liệt và tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào sử dụng. Các dự án phát triển hạ tầng, phát triển đô thị đã được chủ đầu tư khắc phục khó khăn về vốn, nên các nhà thầu có điều kiện tập trung thi công.

Giá trị tăng thêm các ngành dịch vụ tăng 7,9% so cùng kỳ năm trước (đóng góp 4,3% vào mức tăng chung). Thị trường trong nước sôi động hơn trong dịp Tết. Năm nay, ý thức tiêu dùng của người dân thay đổi đáng kể, người dân quan tâm nhiều đến nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, lựa chọn những sản phẩm uy tín, chất lượng. Một số ngành có mức tăng trưởng cao là: thông tin và truyền thông (9,8%), hoạt động kinh doanh bất động sản (8,9%), bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (8,5%), vận tải kho bãi (8,3%). Một số ngành có mức tăng trưởng thấp hơn so với toàn ngành như: dịch vụ lưu trú và ăn uống (2,9%), y tế và các hoạt động trợ giúp xã hội (6,5%), tài chính ngân hàng, bảo hiểm (6,7%), khoa học công nghệ (7,1%), nghệ thuật, vui chơi, giải trí (7,2%)...

2. Sản xuất công nghiệp

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Ba năm 2015 tăng 19,9% so với tháng trước và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 35,7% và tăng 25,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 20,4% và tăng 5,7%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 9,6% và tăng 19,9%; cung cấp nước, xử lý nước thải và thu gom rác tăng 5,1% và tăng 1,5%.

Cộng dồn quý I năm 2015, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng 7,7% so cùng kỳ, trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 0,7%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 19,3%; cung cấp nước, xử lý nước thải và thu gom rác tăng 0,1%.

Các tháng đầu năm, các doanh nghiệp tập trung nguồn lực sản xuất và tích lũy hàng hóa phục vụ nhu cầu thị trường, không xảy ra tình trạng thiếu hàng trong dịp Tết Nguyên đán. Một số ngành có tốc độ tăng chỉ số sản xuất cao so với tốc độ tăng chung của toàn ngành như: sản xuất trang phục tăng 39,8%; chế biến gỗ tăng 72,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 10,6%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 22,2%; sản xuất xe có động cơ tăng 31,7%... Một số ngành chỉ số sản xuất giảm so cùng kỳ năm trước như: chế biến thực phẩm (giảm 13,7%); dệt (giảm 30,8%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (giảm 8%); sản xuất kim loại (giảm 14,1%); sản xuất sản phẩm điện tử (giảm 2,6%)...

Hai tháng đầu năm 2015, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 18,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng khá cao là: dệt tăng 293,6%; sản xuất trang phục tăng 40,8%; chế biến gỗ tăng 31,5%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 29,1%; sản xuất sản phẩm cao su và plastic tăng 55,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 50,4%; sản xuất xe có động cơ tăng 93,8%... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm như: sản xuất chế biến thực phẩm (giảm 29,1%); sản xuất hóa chất và sản phẩm từ hóa chất (giảm 9%); sản xuất kim loại (giảm 19,9%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính (giảm 1,5%)...

Chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/3/2015 của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14% so với cùng thời điểm năm trước. Những ngành có chỉ số tồn kho giảm so cùng kỳ là: sản xuất chế biến thực phẩm (giảm 3,2%); sản xuất đồ uống (giảm 26,7%); sản xuất trang phục (giảm 10,1%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính (giảm 6,8%)... Một số ngành tồn kho vẫn khá cao so cùng thời điểm năm trước như: sản xuất thuốc lá tăng 19%; dệt tăng 190,6%; chế biến gỗ tăng 100,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy gấp 5,6 lần; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 45,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 35,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 70,6%; phương tiện vận tải khác tăng 25%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 22%...

2.2. Tình hình biến động lao động trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp:

Tháng Ba năm 2015, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng 0,4% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: khu vực kinh tế nhà nước tăng 3,1% so cùng kỳ, khu vực kinh tế ngoài nhà nước giảm 0,8% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 0,3%.

Một số ngành kinh tế có chỉ số sử dụng lao động trong tháng tăng so cùng kỳ là: sản xuất thuốc lá (tăng 22,1%), sản xuất trang phục tăng 14,9%; sản xuất kim loại tăng 12,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 17%, sản xuất giường tủ tăng 27,4%... Một số ngành, chỉ số sử dụng lao động giảm nhiều là: sản xuất chế biến thực phẩm (giảm 17,8%); sản xuất đồ uống (giảm 20,8%), dệt (giảm 8,1%), chế biến gỗ (giảm 18,4%), sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (giảm 11,1%)...

3. Xây dựng cơ bản

3.1. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (vốn đầu tư xã hội): Ước tính quý I năm 2015 đạt 59.778,3 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: vốn nhà nước trên địa bàn, tăng 4,6%; vốn ngoài nhà nước tăng 13%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 1,4% so với cùng kỳ.

Chia theo khoản mục đầu tư: vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chiếm tỷ trọng 32,7%, tăng 22,4% so cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất, chiếm tỷ trọng 22,2%, tăng 3,4%; Vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản, chiếm tỷ trọng 3%, tăng 5,8%; Vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động, chiếm tỷ trọng 39,5%, tăng 4,6%; Vốn đầu tư khác, chiếm tỷ trọng 2,6%, tăng 1,2%.

Quý I năm 2015, các công trình, dự án có vốn chuyển tiếp tục được thực hiện. Do kinh tế khu vực và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng đạt thấp, lĩnh vực kinh doanh bất động sản, sản xuất trong nước có dấu hiệu phục hồi nhưng còn chậm, quỹ đất sạch, nhà xưởng đáp ứng điều kiện cho hoạt động thu hút đầu tư mới/mở rộng cho các nhà đầu tư nước ngoài còn hạn chế, thủ tục hành chính đã có cải thiện nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu ngày càng cao từ nhà đầu tư và chủ trương cải cách hành chính mạnh mẽ từ Chính phủ, việc chọn lọc khi thu hút các dự án FDI vào Hà Nội có yêu cầu cao và chặt chẽ hơn so với một số địa phương khác đã tác động suy giảm đến nguồn vốn đầu tư của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài.

*** Tình hình đầu tư trên địa bàn thành phố:**

- Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm Thành phố Hà Nội đoạn Nhón - Ga Hà Nội: Tiếp tục thi công các gói thầu CP01, CP02, CP4 và CP05; Ký hợp đồng và triển khai thực hiện các gói thầu CP03, CP06, CP07, CP08 và CP09; Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và di chuyển công trình ngầm nổi.

- Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II: Đang triển khai thi công một số gói thầu như:

+ Gói thầu số 3: Cải tạo kênh mương thoát nước lưu vực sông Tô Lịch, Hoàng Liệt, Lừ, Sét. Các tuyến công đang tiếp tục thi công (13 tuyến trong đó có 07 tuyến đã thi công từng đoạn cống và bàn giao tạm thời để vận hành và sử dụng). Tổng chiều dài đã nhận bàn giao mặt bằng/tổng chiều dài toàn tuyến là 10.928m/12.181m, tương đương khoảng 90%. Trong đó, đã thực hiện công tác thi công cống, kênh hở được khoảng 8.505m/10.928m có mặt bằng, tương đương 77% và đạt 69% toàn bộ gói thầu.

+ Gói thầu số 4: Cải tạo kênh mương thoát nước thuộc lưu vực sông Kim Ngưu, sửa chữa kênh dẫn vào trạm bơm Yên Sở. Tổng chiều dài cống hộp đã hoàn thành thi công/tổng chiều dài đã được bàn giao mặt bằng/tổng chiều dài toàn tuyến: 3.755m/4.308,8m/4.700,8m đạt tỷ lệ 79% khối lượng. Tổng chiều dài kênh hở đã hoàn thành thi công đạt khoảng 65% khối lượng.

+ Gói thầu số 5.1: Thay thế cầu qua sông Tô Lịch, Lừ, Sét và đường công vụ dọc sông Lừ, Sét.

+ Gói thầu số 6.2: Cải tạo hồ 2 (Hồ Phương Liệt, Tân Mai, Khương Trung1 & 2): Nhà thầu thực hiện thi công khoảng 48,8% khối lượng của Gói thầu và đang tiếp tục triển khai thi công các công tác: nạo vét lòng hồ, lấp đặt rọ đá và xây kè đá hộc.

+ Gói thầu số 6.3: Cải tạo hồ 4 (Hồ Hạ Đình, Đàm Chuối) Nhà thầu thực hiện thi công khoảng 77,7% khối lượng công việc của Gói thầu và đang tiếp tục triển khai thi công các công tác: xây kè đá hộc, cống hộp và cống bao.

+ Gói thầu số 7: Cải tạo hồ 3 (Hồ Linh Đàm và Định Công): Hồ Linh Đàm, đã hoàn thành thi công phần hồ phía Nam, phần hồ phía Bắc, đã thực hiện thi công khoảng 98% khối lượng công việc và đang tiếp tục triển khai thi công trạm biến áp và tiểu cảnh. Hồ Định Công, thực hiện thi công khoảng 53% khối lượng.

3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đăng ký doanh nghiệp :

Thu hút vốn *đầu tư nước ngoài* tiếp tục được đẩy mạnh. Tính đến 12/3/2015, thu hút 74 dự án đầu tư cấp mới và tăng vốn với 167,2 triệu USD, bằng 2,8 lần so với cùng kỳ năm 2014. Vốn giải ngân ước khoảng 150 triệu USD.

Tình hình *đăng ký doanh nghiệp* có chuyển biến tích cực. Tính đến 10/03/2015, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 2.733, tăng 7,51%; vốn đăng ký đạt 18.960 tỷ đồng, tăng 37,4% so cùng kỳ năm 2014. Số doanh

ng nghiệp giải thể bằng cùng kỳ năm 2014; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động giảm 6,46%.

4. Thương mại dịch vụ

4.1. Nội thương: Tháng Ba năm 2015, tổng mức bán ra thương mại, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ đạt 147818 tỷ đồng giảm 0,8% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ; trong đó bán lẻ đạt 35418 tỷ đồng, giảm 1% so tháng trước và tăng 13,7% so cùng kỳ.

Ước tính quý I năm 2015, tổng mức bán ra là 442696 tỷ đồng, tăng 11,9% so cùng kỳ, trong đó bán lẻ đạt 104222 tỷ đồng tăng 11,7%. Kinh tế nhà nước ước tính đạt 128859 tỷ đồng tăng 7,3%, kinh tế ngoài nhà nước 291993 tỷ đồng tăng 14,6% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21844 tỷ đồng tăng 6,4%.

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng và dịch vụ quý I năm 2015 nếu loại trừ yếu tố giá tăng 11,2% so cùng kỳ. Quý I trùng với thời điểm Tết Nguyên đán, tình hình giá cả thị trường tương đối ổn định, song sức tiêu thụ của người dân chủ yếu chỉ tập trung vào những ngày giáp Tết, sau Tết mức tiêu thụ chậm. Trong những tháng đầu năm, các doanh nghiệp, các trung tâm thương mại, siêu thị đã đưa ra nhiều đợt khuyến mãi với nhiều hình thức khác nhau như giảm giá, tặng quà, bốc thăm trúng thưởng, tuy nhiên, lượng khách đến mua hàng đến thời điểm này vẫn chưa cao.

4.2. Ngoại thương: Tháng Ba năm 2015, trị giá xuất khẩu đạt 901 triệu USD tăng 2,9% so tháng trước và giảm 6,1% so cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 633 triệu USD tăng 2,7% và giảm 6,1%. Trong tháng này, một số nhóm hàng tăng khá so cùng kỳ là nhóm hàng may, dệt (tăng 16,8%), giày dép các loại và sản phẩm từ da (tăng 38,7%), hàng điện tử (tăng 12,8%)... Các nhóm hàng giảm so cùng kỳ là: hàng nông sản (giảm 31,5%), linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi (giảm 4,5%), hàng thủ công mỹ nghệ (giảm 6%), xăng dầu (tạm nhập, tái xuất) (giảm 35,2%), máy móc thiết bị phụ tùng (giảm 3,5%), phương tiện vận tải và phụ tùng (giảm 24,6%).

Ước tính quý I năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đạt 2668 triệu USD tăng 4,3% so cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương tăng 4,6%. Một số nhóm hàng xuất khẩu tăng cao so cùng kỳ là giày dép các loại và sản phẩm từ da (tăng 32,1%), hàng may, dệt (tăng 13,9%)...

Quý I năm 2015, nhóm hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu giảm 5,5% so cùng kỳ do hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chính như gạo, chè, cà phê, hạt tiêu... đều có sự sụt giảm cả về giá và về khối lượng vì chịu tác động nhiều từ biến động của giá cả thị trường thế giới và ảnh hưởng lớn từ các yếu

tổ về thời tiết. Kim ngạch xuất gạo quý I giảm 16,4% so cùng kỳ, cà phê giảm 7,6%, hạt tiêu giảm 12,9%. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng xăng dầu (tạm nhập, tái xuất) cũng giảm mạnh so cùng kỳ (giảm 32,9%).

Trị giá nhập khẩu tháng Ba ước đạt 1928 triệu USD tăng 2,9% so tháng trước, tăng 1,6% so cùng kỳ; trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 829 triệu USD tăng 2,2% so tháng trước và tăng 1,6% so cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu tăng cao so cùng kỳ là phân bón (tăng gấp 2 lần), hoá chất (tăng 7,3%).

Ước tính kim ngạch nhập khẩu quý I năm 2015, đạt 5772 triệu USD tăng 7,1% so cùng kỳ; trong đó, nhập khẩu địa phương tăng 6,7%. Trị giá nhập khẩu một số mặt hàng tăng mạnh so cùng kỳ là sắt thép (tăng 15,1%), chất dẻo (tăng 21,5%), hoá chất (tăng 25,4%).

4.3. Du lịch: Tháng Ba năm 2015, khách quốc tế vào Hà Nội đạt 164 nghìn lượt khách, giảm 0,5% so tháng trước và giảm 24,9% so cùng kỳ. Khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội chia theo phương tiện, đến bằng đường hàng không là 142 nghìn lượt người, giảm 14,9% so với cùng kỳ; đến bằng đường biển, đường bộ 22 nghìn lượt người, giảm 57,3%.

Khách nội địa đến Hà Nội tăng 1,4% so tháng trước và tăng 10% so cùng kỳ. Doanh thu khách sạn, lữ hành tăng 1,2% so tháng trước và tăng 3,2% so cùng kỳ.

Ước tính quý I năm 2015, khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội đạt 537 nghìn lượt người, giảm 14,3% so cùng kỳ năm trước, trong đó, khách đến với mục đích du lịch, nghỉ dưỡng 438 nghìn lượt giảm 14,1%, khách đến vì công việc 88,7 nghìn lượt người giảm 12,6%. Chia theo phương tiện, đến bằng đường không là 460,3 nghìn lượt người, tăng 2,2%; đến bằng đường biển, đường bộ 76,3 nghìn lượt người, giảm 56,6%. Trong quý I, khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội giảm mạnh do khách đến từ một số thị trường lớn giảm mạnh so cùng kỳ như: Trung Quốc (tỷ trọng 11,2%, giảm 42,1%), Pháp (tỷ trọng 6,5%, giảm 23,6%), Nhật (tỷ trọng 9,8%, giảm 6,2%), Úc (tỷ trọng 6,4%, giảm 15%)... Khách đến từ một số nước so cùng kỳ tăng cao là: Hàn Quốc (tăng 27,6%), Canada (tăng 11,6%), Thái Lan (tăng 5,9%), Mỹ (tăng 2,2%).

Để thu hút khách quốc tế đến Hà Nội, ngành du lịch Hà Nội đã tăng cường hợp tác liên kết phát triển du lịch, xúc tiến quảng bá du lịch và phát triển thương hiệu du lịch.

Ước tính quý I năm 2015, khách nội địa tăng 7,1% so cùng kỳ. Các tour du lịch nội địa kết hợp với lễ hội đang xu thế chính của các tour du lịch đầu năm. Lượng khách nội địa đi lễ hội, đền chùa vào sau Tết tăng khá.

Riêng Chùa Hương, trong mùa lễ hội năm nay (tính đến thời điểm 15/3) đón khoảng 673 nghìn lượt khách, trong đó khách quốc tế khoảng 1,4 nghìn lượt người.

4.4. Giá cả thị trường: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Ba tăng 0,38% so với tháng trước và tăng 0,65% so cùng kỳ. Nguyên nhân khiến chỉ số giá tháng này tăng là do, trong tháng vào thời điểm lễ hội và rằm tháng giêng, nên giá các mặt hàng thực phẩm như thịt gia súc, gia cầm, thủy hải sản tăng nhẹ khiến cho nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng (tăng 0,74% so với tháng trước). Từ ngày 1/3 giá gas tăng lên 5000đ/bình 12kg. Việc tăng giá gas làm cho chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,33% so với tháng trước. Sau một thời gian dài hạ giá liên tục, ngày 11/3 giá xăng dầu được điều chỉnh tăng với mức tăng từ 710 đồng đến 1610 đồng/lít. Tuy nhiên, do số ngày tăng giá trong kỳ tính chỉ số giá không nhiều (4 ngày) nên giá xăng dầu bình quân vẫn giảm, vì vậy nhóm giao thông giảm 0,03% so với tháng trước.

Trong tháng, chỉ số giá vàng giảm mạnh (giảm 3,25%) và chỉ số giá USD tăng nhẹ (tăng 0,02%).

4.5. Vận tải: Tháng Ba năm 2015 so tháng trước, khối lượng hàng hóa vận chuyển giảm 1,4%; khối lượng hàng hóa luân chuyển giảm 0,7%; doanh thu giảm 0,4%; số lượng khách vận chuyển giảm 0,9%; số lượng hành khách luân chuyển giảm 1,3%; doanh thu vận chuyển hành khách giảm 2,3%; doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải giảm 0,5%.

Ước tính quý I năm 2015 so cùng kỳ năm trước, khối lượng hàng hoá vận chuyển tăng 9,2%; hàng hoá luân chuyển tăng 12,4%; doanh thu tăng 12,6%; khối lượng hành khách vận chuyển tăng 10,7%; hành khách luân chuyển tăng 11,5%; doanh thu tăng 13,0%. doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải tăng 11,4%.

5. Sản xuất nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Vụ Đông 2014-2015, thời tiết tương đối thuận lợi, cùng với sự chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành nên tổng diện tích gieo trồng năm nay toàn Thành phố đạt 50.118 ha, tăng 10,5% so với vụ Đông năm trước. Trong đó: ngô đạt 10.581 ha, tăng 13,2%; cây lấy củ có chất bột đạt 3.101 ha, tăng 21,3% (trong đó: khoai lang đạt 3.023 ha, tăng 20,2%; khoai sọ đạt 71,6 ha, tăng 88,4%); cây có hạt chứa dầu đạt 18.598 ha, tăng 9,2% (trong đó: đậu tương đạt 18.137 ha, tăng 10%; lạc đạt 461,3 ha, bằng 85,1%); cây rau, đậu, hoa và cây cảnh đạt 16.913 ha, tăng 7,6%.

Năng suất, sản lượng hầu hết các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngô đạt 46,3 tạ/ha, giảm 1,5% so với cùng kỳ, sản lượng đạt 48.940 tấn tăng 11,5% so với cùng kỳ; khoai lang đạt 98,4 tạ/ha, giảm 4,9%, sản lượng đạt 29.750 tấn, tăng 14,2%; đậu tương đạt 14,5 tạ/ha, tăng 1,2%, sản lượng đạt 26.227 tấn, tăng 11,3%; rau các loại đạt 206,9 tạ/ha, tăng 2,7%, sản lượng 305.274 tấn, tăng 10,1%;...

Vụ Xuân 2015, toàn Thành phố đã cơ bản hoàn thành công tác gieo cấy Lúa xuân với diện tích ước đạt 101.126 ha, bằng 99% so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng cây màu vụ Xuân các loại ước đạt 15.330 ha, bằng 78,1% so với cùng kỳ. Trong đó: ngô 4.077 ha, bằng 68,6% so với cùng kỳ; khoai lang 560 ha, bằng 102,6%; đậu tương 485 ha, bằng 79,5%; rau các loại 5.548 ha, bằng 90,8% so với cùng kỳ...

Tính chung vụ Đông Xuân, toàn Thành phố đã trồng 165.915 ha lúa và hoa màu, bằng 96,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: lúa 101.126 ha, bằng 99%; ngô 14.658 ha, bằng 88,7%; khoai lang 3.583 ha, bằng 100,4%; đậu tương 18.622 ha, bằng 99,3%; rau đậu các loại 20.302 ha, bằng 97,3%...

Tình hình sâu bệnh: Tính đến ngày 12/3, đã phát hiện một số đối tượng sâu bệnh hại nhẹ cục bộ trên rau màu như: Ốc bươu vàng trên lúa tại Hà Đông, Ứng Hòa, ...; chuột, sâu xám trên ngô; bọ nhảy, sâu xanh trên rau tại Gia Lâm, Mê Linh, Đông Anh,...

Cây Lâu năm: Diện tích trồng mới toàn Thành phố trong quý I năm 2015, ước đạt 765 ha, tăng 3,9% so với cùng kỳ. Trong dịp tết Nguyên đán, do nhu cầu tiêu thụ lớn nên sản lượng một số cây ăn quả như cam, bưởi, táo... tăng. Năm 2014, thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, cùng với sự chuyển đổi kỹ thuật chăm sóc nên sản lượng thu hoạch Cam canh, Bưởi diễn tương đối cao, cụ thể: cam 6.827 tấn, tăng 8,9%; bưởi 35.521 tấn, tăng 11,1%; táo 8.259 tấn, tăng 1,3%...

1.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn Thành phố từ đầu năm đến nay nhìn chung ổn định. Đến nay, số lượng gia súc, gia cầm có giảm chút ít do nhu cầu tiêu dùng thực phẩm tăng cao trong dịp tết Nguyên đán và lễ hội đầu năm, các cơ sở chăn nuôi tăng cường bán ra, đồng thời củng cố vệ sinh chuồng trại chuẩn bị cho đợt nuôi mới. Số lượng gia súc, gia cầm hiện có ước tính như sau: đàn trâu 24.300 con, tăng 2,1% so với cùng kỳ; bò 135.600 con, tăng 2,4%, lợn 1.382 nghìn con, tăng 0,1%; gia cầm 21,2 triệu con, tăng 1%, trong đó: gà 13,2 triệu con, tăng 3,1%;...

Tình hình dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như cúm gia cầm, tai xanh, lở mồm long móng và các bệnh truyền nhiễm thông thường không xảy ra, cơ bản ổn định. Các quận, huyện, thị xã hiện vẫn đang tiếp tục tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm.

1.3. Lâm nghiệp

Quý 1 năm 2015, diện tích trồng mới không nhiều, ước đạt 38 ha, bằng 47,6% so với cùng kỳ và bằng 43,7 năm 2014, do các hộ sản xuất lâm nghiệp chưa được giao kế hoạch và kinh phí về trồng và chăm sóc rừng.

Tình hình khai thác gỗ và lâm sản: Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 3.468 m³, tăng 15,8% so với cùng kỳ; Củi 10.980 Ste, tăng 18,1%; cây trồng phân tán đã trồng được 493 nghìn cây.

Thiệt hại rừng: do làm tốt công tác tuyên truyền bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng nên trên địa bàn Thành phố đã không xảy ra cháy rừng và chặt phá rừng trái phép.

1.4. Thủy sản

Từ đầu năm đến nay, các hộ nuôi thủy sản đã và đang thu hoạch sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và sau tết Nguyên Đán. Đồng thời, tranh thủ các đợt xả nước của các hồ thủy điện đã tăng cường tích trữ nước, đầu tư thức ăn và thả các loại cá chịu rét tốt. Diện tích nuôi thả trong tháng 3 ước đạt 880 ha, tăng 21,4% so với cùng kỳ. Lũy kế, diện tích nuôi thả toàn Thành phố đạt 4.760 ha, tăng 8,5%. Sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 3.980 tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ. Lũy kế, ước đạt 18.952 tấn, tăng 2,7% (trong đó, sản lượng nuôi trồng thu hoạch trong tháng đạt 3.896 tấn, tăng 5,8%; Lũy kế đạt 18.423 tấn, tăng 3,4%).

6. Trật tự an toàn xã hội:

Trong tháng Hai đã phát hiện 573 vụ phạm pháp hình sự, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 483 vụ do công án khám phá được, tăng 33,4%; số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo luật 993 người, tăng 21,2%. Hai tháng đầu năm 2015, đã phát hiện 1.115 vụ phạm pháp hình sự, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 906 vụ công án khám phá được, tăng 35,2%; số đối tượng bị bắt giữ theo luật là 1.692 người, tăng 32,8%.

Cũng trong tháng Hai đã phát hiện 409 vụ phạm pháp kinh tế, tăng 146,4%; số đối tượng phạm pháp là 435 người, tăng 155,9%; thu nộp ngân sách 19.699 triệu đồng. Cộng dồn 2 tháng đầu năm, có 618 vụ phạm pháp kinh tế, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước; số đối tượng phạm pháp là 669

người, tăng 12,6%; thu nộp ngân sách là 30.270 triệu đồng từ các vụ phạm pháp.

Trong tháng, đã phát hiện 105 vụ cờ bạc, tăng 47,9% so cùng kỳ năm trước, số đối tượng bị bắt giữ 481 người, tăng 31,8% so cùng kỳ. Cộng dồn 2 tháng đầu năm, có 149 vụ cờ bạc bị phát hiện, giảm 69,6% so cùng kỳ; số đối tượng bị bắt giữ 726 người, giảm 32% so với cùng kỳ. Phát hiện 189 vụ buôn bán, tàng trữ, vận chuyển ma túy, với 220 đối tượng. Tính chung 2 tháng năm 2015, đã có 418 vụ buôn bán ma túy, giảm 21,6% so với cùng kỳ, số đối tượng bị bắt 512 người giảm 18,2 % so với cùng kỳ.

Tình hình trật tự an toàn giao thông: Trong tháng Hai, toàn Thành phố đã xảy ra 128 vụ tai nạn giao thông, làm chết 48 người, và bị thương 91 người. Cộng dồn 2 tháng đầu năm 2015, đã xảy ra 297 vụ tai nạn giao thông, làm chết 99 người, và bị thương 231 người.

7. Tài chính - Tín dụng:

7.1. Tài chính: Ngay từ đầu năm, các giải pháp về thu ngân sách Nhà nước được các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ, khẩn trương. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn quý I đạt 46318 tỷ đồng; không kể khoản thu cổ tức và lợi nhuận còn lại DNNN, thu NSNN trên địa bàn đạt 38154 tỷ đồng, bằng 26,9% dự toán - kết quả tốt nhất trong 3 năm trở lại đây (năm 2013 và 2014 lần lượt đạt 19% và 23,8%), tăng 10,6% so với cùng kỳ. Thu ngân sách địa phương sau điều tiết ước thực hiện là 16197 tỷ đồng, đạt 28,7% dự toán (trong đó ngân sách cấp Thành phố đạt 27,4%, ngân sách quận, huyện, thị xã đạt 33,7%), tăng 30,1% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương ước đạt 14020 tỷ đồng, bằng 23,7% dự toán, trong đó: chi đầu tư phát triển là 6220 tỷ đồng, đạt 25,6% dự toán; Chi thường xuyên 7800 tỷ đồng, đạt 23,7% dự toán.

7.2. Tín dụng: Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tăng 1,7% so với thời điểm cuối tháng 12/2014 (cùng kỳ năm 2014 tăng 1,05%), đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và các nhu cầu đầu tư khác cũng như đảm bảo về thanh khoản của các TCTD. Dư nợ tín dụng có cải thiện, tăng 1,8% (cùng kỳ năm 2014 giảm 1,74%).

Lãi suất huy động và cho vay của các TCTD có xu hướng giảm. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) ở mức 7%/năm đối với ngắn hạn, 8,5-11% đối với trung và dài hạn. Các TCTD tiếp tục thực hiện các phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ

xấu, nâng cao chất lượng tài sản và năng lực quản trị của TCTD, tăng cường trích lập dự phòng rủi ro và xóa nợ bằng nguồn dự phòng.

7.3. Thị trường chứng khoán:

Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/3, trên cả hai sàn chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 543 doanh nghiệp niêm yết (trong đó, HNX có 368 doanh nghiệp; Upcom có 175 doanh nghiệp), với giá trị niêm yết đạt 120.114 tỷ đồng, tăng 2,3% so với đầu năm (trong đó, HNX đạt 95.573 tỷ đồng và Upcom đạt 24.541 tỷ đồng; tăng lần lượt là 2,5% và 1,7%). Giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 179.625 tỷ đồng, tăng 3,7% so với đầu năm (trong đó, HNX đạt 141.303 tỷ đồng, tăng 3,9% so với đầu năm; Upcom đạt 38.322 tỷ đồng, tăng 3,1% so với đầu năm)

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX)

Tâm lý của các nhà đầu tư có phần bị ảnh hưởng tiêu cực từ thông tin Dự thảo sửa đổi Thông tư số 210/2012/TT-BTC và việc áp dụng Thông tư số 36 của Ngân hàng Nhà nước đã làm ảnh hưởng đến thanh khoản của thị trường. Ngoài ra, thông tin về việc tăng giá dầu và giá điện phần nào cũng sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp do chi phí đầu vào tăng.

Kết thúc 11 phiên giao dịch đầu tháng 3, chỉ số HNX-Index đã có 8 phiên giảm, 3 phiên tăng và chốt phiên giao dịch ngày 16/3 đạt 85,08 điểm, tăng 2,1 điểm tương ứng 2,5% so với đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 162,72 điểm, tăng 1,9 điểm tương ứng 1,2% so với đầu năm)

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng 3, khối lượng giao dịch đạt 459 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng đạt 6.061 tỷ đồng. Trong đó: giao dịch khớp lệnh đạt 433 triệu CP, giao dịch thỏa thuận đạt 26 triệu CP, với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 5.868 tỷ đồng và 193 tỷ đồng. Bình quân một phiên, khối lượng giao dịch đạt 41,7 triệu CP với giá trị bình quân đạt 551 tỷ đồng, tăng 13% về khối lượng và 18,4% về giá trị so với bình quân chung của tháng 2.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 2.043 triệu CP, bằng 59,1% so với cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch đạt 26.109 tỷ đồng, bằng 79,3% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/3, chỉ số Upcom-Index đạt 65,79 điểm, tăng 5,49 điểm, tương ứng với mức tăng 9,1% so với đầu năm.

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng 3, khối lượng giao dịch đạt 34,4 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng đạt 638,7 tỷ đồng.

Bình quân một phiên có 3,1 triệu CP, với giá trị đạt 58,1 tỷ đồng, tăng 50,6% về khối lượng và 78,2% về giá trị so với bình quân chung của tháng trước.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 119 triệu CP được chuyển nhượng, tăng 130,2% so với cùng kỳ; giá trị chuyển nhượng đạt 1.980 tỷ đồng, tăng 650,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch

Trong tháng 02, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp được 41 mã giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài (trong đó, cá nhân là 29 và tổ chức là 12). Lũy kế từ đầu năm, VSD đã cấp được 81 mã giao dịch (trong đó, tổ chức 56 và cá nhân 25). Đưa tổng số mã đã được VSD lên 17.651 mã (trong đó: cá nhân là 15.039 và tổ chức là 2.612).

Số tài khoản giao dịch của các nhà đầu tư được cấp mới trong tháng 2 đạt 5.633 tài khoản (trong đó, cá nhân trong nước đạt 5.542, tổ chức trong nước đạt 34, cá nhân nước ngoài đạt 27, tổ chức nước ngoài đạt 30). Lũy kế từ đầu năm, số tài khoản được cấp mới đạt 14.425 tài khoản (trong đó: cá nhân trong nước đạt 14.050; tổ chức trong nước đạt 204; cá nhân nước ngoài đạt 61; tổ chức nước ngoài đạt 110).

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(đã ký)

Công Xuân Mùi

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Giá so sánh 2010)

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Phân theo ngành kinh tế	Thực hiện Quý I/2014	Ước tính Quý I/2015	Quý I/2015 Quý I/2014
TỔNG SỐ	89444	96199	107.6
I. Chia theo ngành cấp I			
- Nông - lâm nghiệp, thủy sản	3852	4082	106.0
- Công nghiệp	28883	30921	107.1
- Xây dựng	7842	8478	108.1
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	11533	12514	108.5
- Vận tải kho bãi	7029	7614	108.3
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3208	3303	102.9
- Thông tin và truyền thông	9689	10641	109.8
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	3460	3691	106.7
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	2305	2509	108.9
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	2218	2376	107.1
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	468	498	106.4
- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT-XH, quản lý NN và an ninh QP, đảm bảo xã hội bắt buộc	1626	1732	106.5
- Giáo dục và đào tạo	3644	3904	107.1
- Y tế và hoạt động cứu trợ XH	1115	1188	106.5
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	752	806	107.2
- Các ngành khác còn lại	1820	1942	106.7
II. Chia theo 3 ngành lớn			
- Nông - lâm, thủy sản	3852	4082	106.0
- Công nghiệp, xây dựng	36725	39399	107.3
- Dịch vụ	48867	52718	107.9

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng trước		Dự tính tháng báo cáo		Chỉ số cộng đồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước	
Toàn ngành	88.50	104.08	105.93	105.89	107.66
1. Khai Khoáng	45.44	105.45	61.65	125.12	100.68
- Khai khoáng khác	45.44	105.45	61.65	125.12	100.68
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	87.16	103.90	104.96	105.65	107.64
- Sản xuất chế biến thực phẩm	84.20	73.70	104.25	100.61	86.27
- Sản xuất đồ uống	59.35	90.18	91.16	107.53	100.64
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	115.92	108.22	126.97	100.95	107.98
- Dệt	54.11	61.04	75.53	72.16	69.16
- Sản xuất trang phục	118.10	132.55	148.39	140.63	139.82
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	108.88	212.07	115.26	165.09	172.74
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	101.59	128.71	112.85	104.41	110.63
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	72.32	70.65	99.78	90.17	96.37
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	179.51	108.43	220.73	106.73	108.12
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	96.48	96.47	101.57	98.79	92.01
- SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	40.38	122.49	50.25	109.21	122.17
- Sản xuất kim loại	35.08	82.57	55.83	99.08	85.85
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	50.73	99.74	67.25	105.68	101.28
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	56.00	89.59	88.40	114.60	97.39
- Sản xuất thiết bị điện	75.74	106.50	84.21	83.92	109.05

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng trước		Dự tính tháng báo cáo		Chỉ số cộng đồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước	
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu	33.97	96.80	46.98	115.61	106.17
- Sản xuất xe có động cơ	135.66	140.25	161.72	115.65	131.66
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	145.43	97.90	154.21	99.58	105.21
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	68.99	77.96	194.67	107.67	102.61
3. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, và điều hoà không khí	133.35	116.47	146.14	119.89	119.27
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, và điều hoà không khí	133.35	116.47	146.14	119.89	119.27
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	114.06	100.94	119.88	101.45	100.10
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	126.77	98.85	133.23	100.23	97.07
- Thoát nước và xử lý nước thải	107.24	103.51	114.96	105.55	106.93
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	99.94	102.88	103.03	100.13	100.07

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

	Thực hiện Quý I 2014	Ước tính Quý I 2015	<u>Quý I 2015</u> <u>Quý I 2014</u>
TỔNG SỐ	54615	59778	109.5
1. Vốn Nhà Nước	12071	12621	104.6
+ <i>Vốn ngân sách Trung ương</i>	6043	6508	107.7
+ <i>Vốn ngân sách Địa phương</i>	6028	6113	101.4
2. Vốn ngoài nhà nước	36191	40895	113.0
+ <i>Vốn của các tổ chức doanh nghiệp</i>	31988	35675	111.5
+ <i>Vốn đầu tư của dân cư</i>	4203	5220	124.2
3. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	6353	6262	98.6
+ <i>Vốn tự có</i>	3477	3404	97.9
+ <i>Vốn vay</i>	2876	2858	99.4

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
 ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính		% so sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2015	<u>T03 2015</u> <u>T02 2015</u>	<u>Quý I 2015</u> <u>Quý I 2014</u>
1. Tổng mức bán ra	147818	442696	99.2	111.9
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	43500	128859	101.1	107.3
+ Kinh tế ngoài nhà nước	97068	291993	98.4	114.6
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	7250	21844	98.7	106.4
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	123800	371582	98.8	112.9
+ Khách sạn - nhà hàng	3220	9609	101.3	104.7
+ Du lịch lữ hành	642	1909	100.8	98.8
+ Dịch vụ	20156	59596	101.4	108.1
2. Tổng mức bán lẻ	35418	104222	99.0	111.7
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	4960	14908	98.2	106.8
+ Kinh tế ngoài nhà nước	26708	78008	99.4	113.4
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	3750	11306	97.2	107.1
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	20450	60451	97.3	115.8
+ Khách sạn - nhà hàng	3220	9609	101.3	104.7
+ Du lịch lữ hành	642	1909	100.8	98.8
+ Dịch vụ	11106	32253	101.5	107.5
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)			-	-
+ Kinh tế Nhà nước	14.0	14.3	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	75.4	74.8	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10.6	10.9	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2015	T03 2015 T02 2015	Quý I 2015 Quý I 2014
1. Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	901	2668	102.9	104.3
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	<i>633</i>	<i>1871</i>	<i>102.7</i>	<i>104.6</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	292	867	103.3	103.8
- Kinh tế ngoài nhà nước	197	567	103.0	105.0
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	412	1234	102.6	104.4
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Hàng nông sản	95	274	106.7	94.5
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>20</i>	<i>56</i>	<i>111.1</i>	<i>83.6</i>
<i>+ Cà phê</i>	<i>31</i>	<i>94</i>	<i>103.3</i>	<i>92.4</i>
<i>+ Hạt tiêu</i>	<i>10</i>	<i>30</i>	<i>105.3</i>	<i>87.1</i>
<i>+ Chè</i>	<i>6</i>	<i>19</i>	<i>96.9</i>	<i>112.9</i>
- Hàng may, dệt	115	349	100.9	113.9
- Giày dép các loại và SP từ da	22	65	101.9	132.1
- Hàng điện tử	49	147	101.0	103.6
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	125	365	105.0	103.1
- Hàng thủ công mỹ nghệ	15	43	106.3	102.6
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	63	173	104.5	67.1
- Máy móc thiết bị phụ tùng	94	277	103.3	105.4
- Thủy tinh & các sản phẩm từ thủy tinh	28	81	103.0	110.8
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	52	151	102.8	102.6
- Hàng hoá khác	245	743	101.2	117.6

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2015	T03 2015 T02 2015	Quý I 2015 Quý I 2014
2. Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	1928	5772	102.9	107.1
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	829	2473	102.2	106.7
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
- Kinh tế nhà nước	1186	3559	103.4	106.5
- Kinh tế ngoài nhà nước	337	1022	102.3	111.5
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	405	1191	101.9	105.2
<i>Chia theo nhóm hàng chủ yếu</i>				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	333	983	102.3	101.1
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	896	2680	101.6	107.9
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	88	262	102.8	115.1
+ Phân bón	19	55	124.9	111.3
+ Hoá chất	27	80	102.3	125.4
+ Chất dẻo	64	192	104.5	121.5
+ Xăng dầu	331	997	103.1	73.3
- Hàng hoá khác	699	2109	104.9	109.0

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ TẠI HÀ NỘI

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng Ba so với			Bình quân cùng kỳ
	Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	
1. Chỉ số giá tiêu dùng	100.38	100.65	100.14	100.48
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100.74	101.86	101.60	101.41
+ Lương thực	100.15	96.46	100.27	96.75
+ Thực phẩm	100.52	102.29	101.69	101.65
+ Ăn uống ngoài gia đình	101.56	103.69	102.05	103.33
- Đồ uống và thuốc lá	100.04	102.47	100.67	102.72
- May mặc, mũ nón, giày dép	100.07	104.54	100.94	104.60
- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100.33	96.19	98.53	95.23
- Thiết bị và đồ dùng gia đình	100.16	103.56	100.71	103.53
- Thuốc và dịch vụ y tế	100.05	100.61	100.17	100.61
- Giao thông	99.97	86.04	92.45	87.46
- Bưu chính viễn thông	100.00	100.54	100.00	100.54
- Giáo dục	100.04	108.78	100.05	108.76
- Văn hoá, giải trí và du lịch	100.12	102.57	100.58	102.66
- Hàng hoá và dịch vụ khác	100.21	103.83	101.06	103.69
2. Chỉ số giá vàng	96.75	93.13	101.38	97.71
3. Chỉ số giá Đô la Mỹ	100.02	101.25	99.98	101.31

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Ước tính		% so sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2015	T 03/2015 T 02/2015	Quý I 2015 Quý I 2014
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	5463	16369	99.2	112.3
<i>a. Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế Nhà nước	2175	6527	99.0	111.5
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	2437	7295	99.3	112.9
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	851	2547	99.1	112.1
<i>b. Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Vận tải hàng hoá	2393	7153	99.6	112.6
+ Vận tải hành khách	1166	3516	97.7	113.0
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, xếp, đại lý vận tải...)	1904	5700	99.5	111.4
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	43	131	98.6	109.2
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.km)	3837	11482	99.3	112.4
- Khối lượng hành khách vận chuyển (Triệu HK)	74	221	99.1	110.7
- Khối lượng HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	1916	5770	98.7	111.5

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150